TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 24/5/2019.
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**
- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Trương Phước Công.**
2. Ông **Lê Văn Xuyên.**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Văn Xuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 412/2018/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy D sinh năm 1971; địa chỉ: số 3, tổ 01 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thùy D luật sư Trần Tiến V – Văn phòng luật sư Tiến V, đoàn luật sư An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1954, ông Võ An N, sinh năm 1949; địa chỉ: số 8 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần G, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 3 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không G được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Vào ngày 05.7.2012 (al) bà có cho bà L vay số tiền 150.000.000 đồng, bà L hứa trong vòng 10 ngày sẽ trả lại, không tính lãi suất, ông G là người trực tiếp giao tiền cho bà L, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng. Việc vay này ông N cũng biết, việc giao nhận tiền không làm biên nhận nợ. Đến ngày 13.7.2016 ông N làm tờ thỏa thuận nợ bằng cách lấy đất của con ông là Võ Hồng Y đứng tên. Ông Y cũng đồng ý giao đất nhưng không thực hiện để trả nợ cho bà Thùy D sau đó không thực hiện, ông N, bà L cũng không có thế chấp quyền sử dụng đất hay giấy tờ liên quan đến tài sản. Sau nhiều lần bà D có đến nhà ông N, bà L đòi lại số tiền nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Nay bà D yêu cầu ông N, bà L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13.7.2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thùy D luật sư Trần Tiến V trình bày: Bà Thùy D yêu cầu bà L, ông N có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13.7.2016 đến khi xét xử sơ thẩm. Căn cứ để khởi kiện:

Tờ thỏa thuận ngày 13.7.2016 giữa bà Lê, ông N với bà D có thỏa thuận bằng văn bản thừa nhận số tiền nợ 150.000.000 đồng là chứng cứ yêu cầu bị đơn trả số tiền này, lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13.7.2016 đến ngày 24.5.2019.

Từ những cơ sở trên buộc ông N, bà L có nghĩa vụ trả cho bà Thùy D số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13.7.2016 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp L bà Huỳnh Thị L, ông Võ An N, ông Trần G đến Tòa án để tham gia phiên G nhưng ông bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành G được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 05/7/2012 (al), bà Nguyễn Thị Thùy D có cho bà Huỳnh Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả trong vòng 10 ngày. Chồng bà D là ông Trần G trực tiếp giao tiền, bà L trực tiếp nhận. Đến ngày 13/7/2016, ông Võ An N lập tờ thỏa thuận trả nợ thay cho bà L, nhưng không thực hiện. Nên, bà D yêu cầu ông N, bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 150.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13/7/2016 đến khi xét xử. Ông N, bà L và ông Giải đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vắng mặt không có lý do, nên không ghi được ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà D với bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả 150.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với việc bà D yêu cầu ông N cùng trả 150.000.000 đồng. Xét thấy, căn cứ vào tờ thỏa thuận ngày 13/7/2016 mà ông N đã ký tên trả thay cho bà L và số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà L đang tồn tại, nên bà D yêu cầu ông N liên đới cùng bà L trả số nợ trên là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất, bà D yêu cầu tính lãi suất từ ngày 13/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do phía ông N, bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D nên bà D yêu cầu tính lãi suất là phù hợp Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Võ An N, bà Huỳnh Thị L, có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ An N, bà Huỳnh Thị L, ông Trần G được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà L, ông G.

[2] Qua lời trình bày của bà Thùy D các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Thùy D ông N, bà L, có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 05.7.2012 (al) bà Thùy D có cho bà L vay số tiền 150.000.000 đồng, bà L hứa

trong vòng 10 ngày sẽ trả lại, không tính lãi suất, ông G là người trực tiếp giao tiền cho bà L , mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng. Việc vay này ông N cũng biết, việc giao nhận tiền không làm biên nhận nợ, tuy giữa hai bên không làm biên nhận nhưng ông N, bà L vẫn làm tờ thỏa thuận số nợ với bà Thùy D giao đất nền nhà của ông Y là con của ông bà để trừ số nợ. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà L ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà Thùy D có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà L, ông N, ông G vắng mặt và cũng không gữi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, bà Thùy D xuất trình chứng cứ là tờ thỏa thuận giữa vợ chồng ông N, bà L, do vậy bà Thùy D yêu cầu bà ông N, bà L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy tờ thỏa thuận mà ông N đã ký tên trả thay cho bà L đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N, bà L, nên bà Thùy D yêu cầu ông N, bà L có nghĩa vụ trả số nợ cho bà là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thùy D buộc ông N, bà L có nghĩa vụ trả cho bà Thùy D số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của bà Thùy D thấy rằng:

Khi vay mượn hai bên không thỏa thuận lãi suất, tại các buổi G và tại phiên tòa bà Thùy D yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, để tạo điều kiện cho bà L, ông N thanh toán nợ bà Thùy D yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 9%/năm, không yêu cầu lãi quá hạn, số tiền lãi được tính như sau: 150.000.000đ x 9%/năm x 1.045 ngày =39.150.000đ (ba mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 189.150.000 đ (một trăm tám mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án; bà Huỳnh Thị L, ông Võ An N thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng ông, bà không gởi đơn cho Tòa án xem xét nên ông, bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

- Buộc ông Võ An N, bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 39.150.000đ (ba mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tổng cộng vốn và lãi là 189.150.000 đ (một trăm tám mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị L, ông Võ An N phải chịu án phí 9.457.500 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thùy D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000051 ngày 16.8.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.